

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 9295/QĐ-UBND

Tân Châu, ngày 26 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao dự toán thu - chi ngân sách nhà nước năm 2023
cho ngân sách xã, phường trực thuộc thị xã**

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 3052/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh An Giang về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nước năm 2023 cho ngân sách huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 23 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thị xã Tân Châu về việc phê chuẩn dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 thị xã Tân Châu;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch thị xã Tân Châu tại Tờ trình số 1554/TTr-TCKH ngày 26/12/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao các xã, phường trực thuộc thị xã dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán chi ngân sách địa phương năm 2023 (theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 được giao, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường thực hiện phân bổ, giao dự toán thu, chi ngân sách xã, phường đảm bảo:

1. Tiếp tục thực hiện các quy định về tạo nguồn cải cách tiền lương trong năm 2023 từ: Một phần nguồn thu được để lại theo chế độ của đơn vị; nguồn thực hiện cải cách tiền lương đến hết năm 2022 còn dư chuyển sang (nếu có); tiết kiệm 10% chi thường xuyên năm 2023 (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ). Đồng thời, dành 70% nguồn tăng thu thực hiện của ngân sách địa phương so với dự toán năm 2022 để tạo nguồn cải cách tiền lương trong năm 2023.

Đối với nguồn tăng thu ngân sách địa phương (không kể thu tiền sử dụng đất), loại trừ thêm một số khoản thu gắn với nhiệm vụ cụ thể, gồm: Thu tiền thuê đất một lần được nhà đầu tư ứng trước để bồi thường, giải phóng mặt bằng và thu từ xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được cơ quan có thẩm quyền quyết định sử dụng để chi đầu tư theo quy định; thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa; phí tham quan các khu di tích, di sản thế giới; phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu; phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản; phí bảo vệ môi trường đối với nước thải; thu từ quỹ đất công ích hoa lợi, công sản tại xã và thu tiền cho thuê, mua, bán nhà thuộc sở hữu nhà nước.

2. Bố trí chi thường xuyên đảm bảo các chế độ chính sách cho con người, kinh phí hoạt động thường xuyên và thực hiện các nhiệm vụ quan trọng được Ủy ban nhân dân thị xã giao. Thực hiện tiết kiệm triệt để, đặc biệt là các khoản chi tổ chức hội nghị, hội thảo, khánh tiết; bố trí kinh phí mua sắm, sửa chữa chặt chẽ, đúng qui định. Chỉ đề xuất bổ sung khi thực sự cần thiết và đảm bảo nguồn.

3. Trong điều hành tài chính – ngân sách nhà nước năm 2023, trường hợp địa phương có nguồn thu cân đối ngân sách địa phương giảm lớn so với dự toán được cấp có thẩm quyền giao do nguyên nhân khách quan, phải chủ động sử dụng các nguồn lực hợp pháp của mình, rà soát, sắp xếp, cắt giảm các nhiệm vụ chi để đảm bảo cân đối theo dự toán đã được Hội đồng nhân dân thị xã giao đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 3. Ủy ban nhân dân các xã, phường trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 và phương án phân bổ dự toán ngân sách năm 2023.

Căn cứ Nghị quyết Hội đồng nhân dân xã, phường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách địa phương cho các ban ngành thuộc ủy ban nhân dân xã, phường chậm nhất 5 ngày làm việc, kể từ ngày Hội đồng nhân dân quyết định dự toán ngân sách.

Điều 4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường có trách nhiệm tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ thu, chi ngân sách được giao nhằm hoàn thành đạt và vượt chỉ tiêu thu ngân sách nhà nước cũng như quản lý chi tiêu ngân sách địa phương chặt chẽ, đúng pháp luật, triệt để tiết kiệm và có hiệu quả.

Điều 5. Phòng Tài chính - Kế hoạch thị xã hướng dẫn việc thực hiện dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2023 đối với ngân sách các xã, phường trên địa bàn thị xã Tân Châu.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 7. Chánh văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thị xã, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch thị xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Sở Tài chính (báo cáo);
 - TT.thị ủy, HĐND thị xã (b/c);
 - Chủ tịch, các PCT UBND thị xã (b/c);
 - CVP, PCVP HĐND và UBND thị xã;
 - UBND các xã, phường;
 - Lưu VT, tủ
- (Kèm theo phụ lục)

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Ngọc Vệ



CHỈ TIÊU CHI TIẾT THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023
XÃ TÂN AN

Phụ lục kèm Quyết định số: 9295/QĐ-UBND ngày 26/ 12/2022 của UBND thị xã Tân Châu

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Nội dung	Thu NSNN	Thu NS xã	Ghi chú
Tổng thu NSNN	7.282.045	7.182.045	
Tổng thu ngân sách địa phương	7.282.045	7.182.045	
I. Tổng các khoản thu cân đối	781.000	681.000	
1- Thuế sử dụng đất phi NN	5.000	5.000	
2- Lệ phí trước bạ	110.000	110.000	
3- Thu phí - lệ phí	55.000	55.000	
- Lệ phí môn bài	5.000	5.000	
- L.Phí hành chính	50.000	50.000	
- Phí Lòng đường vỉa hè	0	0	
4- Quỹ đất công ích, HLCS	0	0	
5- Thu khác ngân sách	611.000	511.000	
a- Thu phạt vi phạm HC	114.000	14.000	
- Thu phạt ATGT	100.000	0	
Trong đó xã hưởng	0	0	
- Thu phạt VPHC khác	10.000	10.000	
- Thu hoạt động KD trái PL	4.000	4.000	
b- Các khoản thu khác	497.000	497.000	
- Phí dò	444.000	444.000	
- Phí chợ	53.000	53.000	
- Thu khác	0	0	
II- Thu BS từ ngân sách cấp trên	6.501.045	6.501.045	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ TOÁN CHI NĂM 2023

Phụ lục kèm Quyết định số: 9295/QĐ-UBND ngày 26/ 12/2022 của UBND thị xã

Xã Tân An

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Nội dung	Dự toán Năm 2023	Ghi chú
Tổng chi	7.182.045	
A- Chi cân đối (trong đó: Đơn vị giữ lại 10% số tiết kiệm)	7.027.045	
I. Kinh phí thực hiện tư chủ	4.570.211	
1. Chi quản lý hành chính	4.570.211	
1.1- Chi quản lý nhà nước	2.681.337	
- Lương, các khoản đóng góp	1.347.557	
- Chi theo định mức 16triệu/BC	368.000	
- Chi HD 22tr/ấp	154.000	
- Lương biên chế chưa có mặt	51.253	
- Phụ cấp Tr. ấp + Phó ấp kiêm Ấp đội trưởng+ Tr. Ban (4,5/1 ấp)	563.220	
- PC Đại biểu HĐND trong	147.243	
đó tính BHYT 10% số ĐB	0	
- Tổ Trưởng HĐND cấp TX	3.576	
- Phụ cấp Ban KT, Ban PC	46.488	
1,2- Chi khác QL hành chính	182.410	
- Kiểm soát thủ tục HC (440.000đ/tháng x 02 người x 12t)	10.560	
- Cán bộ tiếp công dân:104 ngày x 1 người x 100.000 đồng	10.400	
- KP quản lý BTXH	5.000	
- BHXH mức 22% cán bộ KCT	137.676	
1.490* 22% $\times$ 12tháng*số cb.kct	0	
- BHYT (mức 2/3 $\times$ 4,5% $\times$ 1490 $\times$ 12)	18.774	
mức 1490 $\times$ 4,5% $\times$ 12 x2/3*số cb.ktc	0	
1.3- Chi ngân sách Đảng	618.469	
- Lương, các khoản đóng góp	454.009	
- Chi theo định mức 21 triệu/BC	84.000	
* Lương biên chế chưa có mặt	0	
- PC ủy viên mức 0,3	80.460	
1.4- Chi ngân sách Hội, đoàn thể	1.087.995	
a- Chi MTTQ	171.348	
- Lương, các khoản đóng góp	139.348	
- Chi theo định mức 16 triệu/BC	32.000	
- Lương biên chế chưa có mặt	0	
b- Các đoàn thể còn lại	800.367	
- Lương, các khoản đóng góp	387.983	
- Chi theo định mức 14triệu/BC	112.000	
- Phụ cấp chức danh đoàn thể ở khóm, ấp (2,4hs/1 khóm, ấp)	300.384	



Nội dung	Dự toán Năm 2023	Ghi chú
c- Hỗ trợ các hội	116.280	
- Hội khuyến học 9tr/xã	9.000	
- Chi thù lao các Hội đặc thù (6hs/xã)	107.280	
Tiết kiệm 10% KP tự chủ (trừ các khoản chi con người)	76.400	
II. Kinh phí không T. xuyên	2.456.834	
1. Chi sự nghiệp văn xã	209.000	
a- Chi SN giáo dục và đào tạo	74.000	
- Chi SN giáo dục+ TTHTCĐ 49t/xã	49.000	
- Chi SN đào tạo - dạy nghề (25t/xã)	25.000	
b- Chi SN văn hóa T. tin 39t/xã	39.000	
c- Chi HĐ Truyền thanh 22t/xã	22.000	
d- Chi SN T.dục T.thao (25t/xã)	25.000	
e- Chi đảm bảo XH (49t/xã)	49.000	
2. Chi Quản lý hành chính	457.560	
2.1- Chi quản lý nhà nước	275.560	
- Hoạt động HĐND theo NQ 08/2018/NQ-HĐND (bao gồm: kp tham quan học tập ĐB. HĐND xã 2tr/db)	154.000	
- Tủ sách PL 7 tr, Ban TTND 12 tr, giám sát ĐTCĐ 12tr	31.000	
- Xây dựng đời sống VH KDC	62.000	
+ Khu dân cư xã, phường 20tr/xã	20.000	
+ Khu dân cư khóm, ấp (6tr/ấp)	42.000	
- NQ, QĐ ban hành mới/thay thế	13.200	
- NQ, QĐ sửa đổi, bổ sung	10.560	
- Chi thị của UBND	4.800	
2.2- Chi ngân sách Đảng	172.000	
- Hỗ trợ Ban dân vận 10tr/xã	10.000	
- Chi theo Qui định 545-QĐ/TU ngày 19/01/2021 (100tr/xã)	100.000	
- HT hoạt động Đảng theo QĐ 99 30tr/xã	30.000	
- Xây dựng quy chế dân chủ cơ sở	12.000	
- Chi theo đề án 02 20t/xã	20.000	
2.3- Chi ngân sách Hội, đoàn thể	10.000	
Các hội đoàn thể còn lại	10.000	
- Kinh phí H. động T. Niên 10t/xã	10.000	
3. Chi An ninh Quốc phòng	1.297.210	
a. Chi an ninh	510.060	
Phụ cấp LL đảm bảo ANTT (mỗi ấp 02ng theo HD 758 của UBND tỉnh)	250.320	
Trợ cấp theo Quyết định 30 (LL đảm bảo ANTT hưởng 50% lương cb + BHYT + BHXH)	187.740	
Kinh phí tuần tra	12.000	
Hoạt động phí 5tr/tháng	60.000	
b. Chi quốc phòng	787.150	

Nội dung	Dự toán Năm 2023	Ghi chú
Trợ cấp ngày công lao động LLDQTV (119.200đ/người/ngày x 22 ngày x 12T)	283.219	
Hỗ trợ tiền ăn LLDQTV (65.000đ/người/ngày x 22 ngày x 12T)	154.440	
Hỗ trợ huấn luyện và hoạt động phí LLDQTV	150.000	
Phụ cấp + trợ cấp CHP	75.096	
Phụ cấp DQTV theo QĐ 06 và NĐ 72 (bao gồm: BHXH và BHYT của LLDQTV)	91.138	
Phụ cấp theo Nghị định 72	33.257	
4- Chi khác ngân sách	493.064	
Chi cho công tác ATGT	50.000	
Chi cho xử phạt VPHC	4.000	
Mua sắm CA-QS	20.000	
Chi thường xuyên khác	55.000	
Chi khen thưởng 1%	60.000	
Hòa giải thành 200/vụ * 40 vụ	8.000	
Hỗ trợ tổ hòa giải ấp 100/tháng/ấp	8.400	
CT gia đình và bạo lực gia đình	10.000	
Chúc thọ người cao tuổi + nước uống (theo NQ 09/2019 gồm 500.000đ chúc thọ + 20.000đ tiền nước uống)	77.480	
Vì sự tiến bộ PN, BDG theo KH 412/KH-BVSTBPN-BDG ngày 14/3/2017 (30tr/xã)	30.000	
Bảo vệ chăm sóc trẻ em theo QĐ 458/QĐ-UBND ngày 15/02/2017 của UBND tỉnh (15tr/xã)	15.000	
Phổ biến GDPL (15tr/xã)	15.000	
Đăng ký khai sinh cấp BHYT	2.400	
Chi hoạt động khác An ninh (30tr/xã)	30.000	
Chi hoạt động khác Quốc phòng (30tr/xã)	30.000	
Trang phục: Bộ phận 1 cửa: 2tr/ 1 người	12.000	
Thuê thiết bị kênh truyền hình (theo CV 2313/VP-VX ngày 09/9/2019) 12 tháng	36.960	
Thuê kênh truyền hình (theo CV 2313/VP-VX ngày 09/9/2019) 12 tháng	7.920	
Duy trì phần mềm kế toán	3.600	
Duy trì phần mềm QLTS	3.000	
Chi thù lao Cộng tác viên Khuyến công theo QĐ số 23/2019/QĐ-UBND (0,8hs/1ng/1T)	14.304	
Tiết kiệm 10% kinh phí không thường xuyên (trừ các khoản chi cho con người)	114.700	
B- Dự phòng	155.000	

